TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Số: **579**/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **725**/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2026 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

Nguyên đơn: Ông **A** - sinh năm 1982; CCCD số: **…** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/3/2023; HKTT: Thôn M, xã N, tỉnh Hưng Yên;

Bị đơn: Bà **B** - sinh năm 1987; CCCD số: … do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 14/9/2024; HKTT: Bản P, xã Q, tỉnh Sơn La; nơi ở: phố R, phường S, thành phố Hà Nội;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà B.

Giấy chứng nhận kết hôn số **40/**2011 ngày 13/9/2011 do UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (Nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) cấp cho ông A và bà B không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận ông A và bà B có 01 (Một) con chung là **C** – sinh ngày 12/01/2012 (Nam). Sau khi ly hôn, bà B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ông A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà B số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung thành niên (Tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông A có quyền gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Ông A tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên tòa nên ông A phải chịu 50 % án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Ông A đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0011767** ngày 15/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Nay ông A được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND xã N,
tỉnh Hưng Yên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương